

*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 8 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2019, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 101/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019, về việc Kiện đòi tài sản.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.**

- Nguyên đơn: Bà **M T T**, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn Hùng Cường, xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: - Anh **M T C**, sinh năm 1986

- Chị **B H N**, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Số nhà 95, tổ 17 (tổ 26 cũ), phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Anh **M T C** và chị **B H N** có trách nhiệm thanh toán cho bà **M T T** số tiền tiền nợ là 196.000.000đ (Một trăm chín mươi sáu triệu đồng), trong đó anh **M T C** phải trả cho bà **M T T** số tiền 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng), chị **B H N** phải trả cho bà Thoa số tiền là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với*

*thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

- Về án phí: Anh **M T C** và chị **B H N** phải nộp 2.450.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trong đó anh **M T C** phải nộp 1.225.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), chị **B H N** phải nộp 1.225.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Bà **M T T** không phải chịu án phí của vụ án, trả lại cho bà **M T T** 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002908 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang;

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”*

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ TA.

**Vương Thị Lan**